

## **PHỤ LỤC 5C**

---

### **Danh mục các dự án chính**



STT	Tuyến	Chiều dài	Cấp		Chiều rộng		Chiều sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
W01	Quảng Ninh, Hải Phòng – Hà Nội	166	III, một phần cấp I	II	40–50	70	2,0-2,5	2	Nâng cấp

(b) Tuyến Hà Nội – Lạch Giang

Vị trí

- (i) Tuyến đi từ cảng Hà Nội đi cửa sông Lạch Giang dọc theo sông Hồng và sông Ninh Cơ với tổng chiều dài 192km.
- (ii) Hà Nội và khu vực nội địa sẽ được kết nối với các khu vực miền Nam và miền Trung qua tuyến này.
- (iii) Các cảng chính nằm dọc theo tuyến này là cảng Hà Nội, cảng Khuyến Lương.

Vai trò chính

- (i) Tuyến đường thủy nội địa đi ra biển qua cửa sông Lạch Giang, kết nối với miền Nam và miền Trung qua cảng Nam Định và cảng Khuyến Lương bằng các phương tiện đường sông và đường biển.
- (ii) Vận tải xi măng, vật liệu thô cho xưởng sửa chữa và đóng tàu tại Hải Thịnh (trên sông Ninh Cơ) và các hàng hoá khác.

Mục tiêu

- (i) Cấp I
- (ii) Chiều rộng 70m
- (iii) Chiều sâu hơn 3,0m.

Hình 5C-2 Tuyến Hà Nội – Lạch Giang



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Tương lai	Hiện tại	Tương lai	Hiện tại	Tương lai	
W2	Lạch Giang – Hà Nội	192,0	II	I	30-60	70	0,9-2,4	3	Nâng cấp

(c) Tuyến Hà Nội – Lào Cai

Vị trí

- (i) Tuyến chạy dọc theo sông Hồng và sông Thao tới Lào cai với chiều dài 362km.
- (ii) Đoạn từ Yên Bái đi Lào Cai dài 166km là đoạn chảy qua vùng núi.
- (iii) Tuyến vận tải này sẽ được kết nối với biển giới Trung Quốc.
- (iv) Các cảng chính nằm dọc theo tuyến này là Cảng Hà Nội, cảng Việt Trì, và cảng Lào Cai.

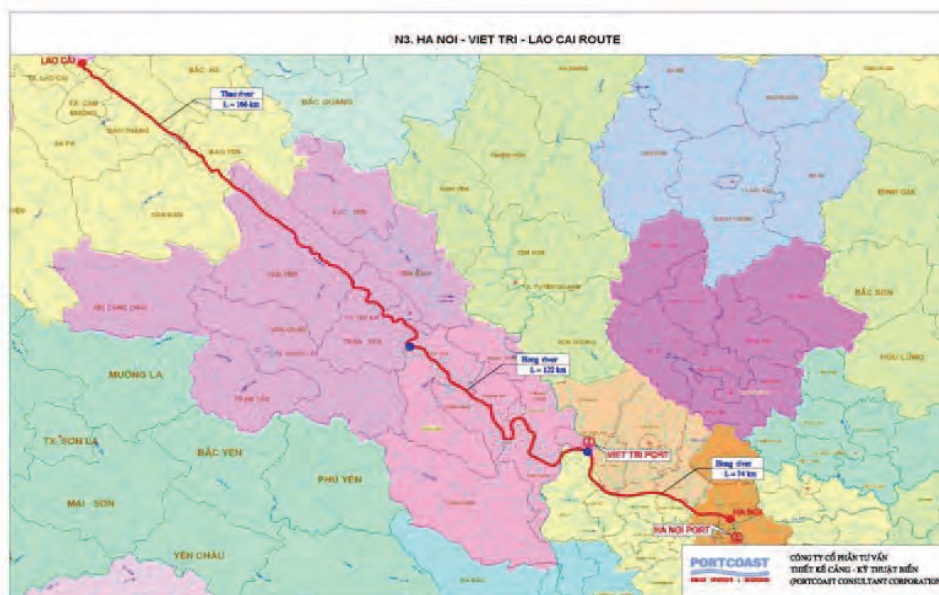
Vai trò

- (i) Hỗ trợ phát triển kinh tế của tỉnh Lào Cai nhờ vận tải quặng apatite
- (ii) Hỗ trợ kết nối giữa tỉnh Vân Nam và biển.
- (iii) Vận tải than cho nhà máy giấy Bãi Bằng, nhà máy hoá chất Việt Trì, nhà máy phân lân Lâm Thao và các nhà máy xi măng tại Vĩnh Phúc, Phú Thọ, và Yên Bái.

Mục tiêu

- (i) Hà Nội – Việt Trì: cấp II, 70m, hơn 2m.
- (ii) Việt Trì – Yên Bái: cấp III, 50m, hơn 1,5m
- (iii) Yên Bái – Lào Cai: cấp IV, 30m, hơn 1,2m (III, 50m, 1,5m nếu có xường cạn)

Hình 5C-3 Tuyến Hà Nội – Lào Cai



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N1-3	Hà Nội – Việt Trì – Lào Cai	362,0	IV,V,VI	II, III, IV	30–40	70	Nhỏ hơn 1,0-2,2	2	Nâng cấp

(d) Tuyến Quảng Ninh – Ninh Bình (Sông Đào, Hải Phòng)

Vị trí

- (i) Tuyến đi từ cảng Hòn Gai, dọc theo kênh Ba Mom, qua kênh Cái Tráp, sông Bạch Đằng, kênh Đình Vũ, sông Cấm, sông Đào nội thành, sông Lạch Tray, sông Văn Úc, sông Kênh Khê, sông Thái Bình, sông Luộc, sông Hồng, sông Đào tới cảng Ninh Bình trên sông Đáy với chiều dài 266,5km
- (ii) Tuyến qua cửa sông Lạch Tray tạo ra một đường thủy khác chảy qua khu vực cảng Hải Phòng.
- (iii) Các cảng chính nằm dọc theo tuyến này là cảng Hòn Gai, cảng Hải Phòng, cảng Nam Định, cảng Ninh Phúc, và cảng Ninh Bình.

Vai trò chính

Kết nối giữa các tỉnh đông bắc (những nơi khai thác than quan trọng nhất) với các khu công nghiệp nơi có nhà máy như nhiệt điện Ninh Bình, Bút Sơn, Bim Sơn, Tam Điệp, Duyên Hà, Vinakansai và xi măng Phú Sơn.

Mục tiêu

- (i) Cấp III
- (ii) Chiều rộng 50m
- (iii) Chiều sâu hơn 1,5 m.

Hình 5C-4 Tuyến Quảng Ninh – Ninh Bình (Sông Đào, Hải Phòng)



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N2-1	Quảng Ninh, Ninh Bình (sông Đào, Hải Phòng)	266,5	I và III, một phần cấp IV	III	25-150	50	1,6-4,5	1,5	Cải tạo, mở rộng...



(e) Tuyến Cửa Đáy – Ninh Bình

Vị trí

- (i) Tuyến đi từ Ninh Bình tới Cửa Đáy tạo ra một tuyến nối với biển qua cửa sông Đáy với chiều dài 47km.
- (ii) Vận tải trên sông Đáy được điều tiết bởi đập Phùng
- (iii) Cảng chính nằm dọc theo tuyến là cảng Ninh Bình.

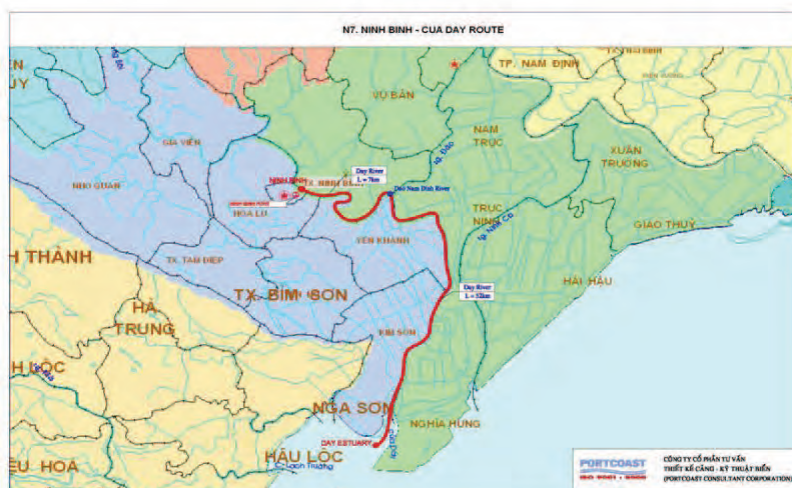
Vai trò chính

- (i) Là luồng tàu cho các tàu biển và sông tới cảng Ninh Bình và Ninh Phúc.
- (ii) Kết nối giữa các tỉnh miền Bắc và các tỉnh khác tại miền Nam và Trung.

Mục tiêu

- (i) Cấp I
- (ii) Rộng 70m
- (iii) Sâu hơn 3m.

Hình 5C-5 Tuyến Cửa Đáy – Ninh Bình



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N2-2	Cửa Đáy – Ninh Bình	74,0	II	I	40-80	70	2,5-3,0	3	Nâng cấp

(f) Tuyến Quảng Ninh – Phả Lại

Vị trí

- (i) Tuyến bắt đầu từ cảng Hòn Gai tới cảng Phả Lại dài 128km.
- (ii) Đoạn từ cảng Hòn Gai tới cửa sông Chanh chạy dọc theo kênh Ba Mom và các đoạn khác chạy qua sông Chanh, sông Đá Bạch, Phi Liệt, Kinh Thầy và Thái Bình.
- (iii) Các cảng chính nằm dọc theo tuyến này là cảng Hòn Gai và cảng Phả Lại.

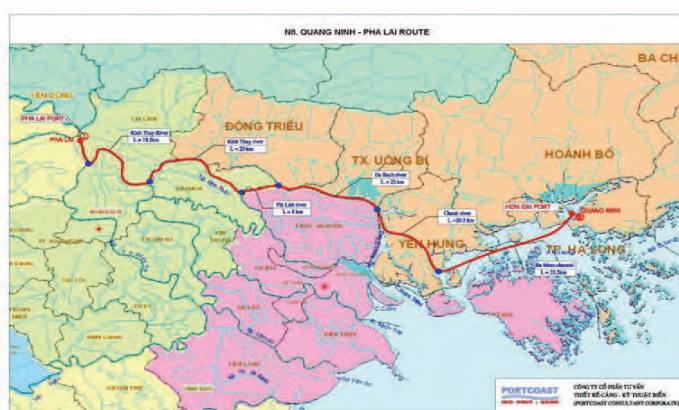
Vai trò chính

- (i) Kết nối giữa tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh miền Bắc.
- (ii) Vận tải than cho các nhà máy như nhiệt điện Phả Lại, phân bón Bắc Giang, Kính Đáp Cầu, và xi măng Hoàng Thạch và Phúc Sơn.
- (iii) Vận tải hàng hoá nhập khẩu từ cảng Cái Lân tới tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang.

**Mục tiêu**

- (i) Cấp II
- (ii) Chiều rộng 70m
- (iii) Chiều sâu hơn 2m

Hình 5C-6 Tuyến Quảng Ninh – Phả Lại



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N3-1	Quảng Ninh – Phả Lại	128.0	Chủ yếu là cấp III, một số là cấp I	II	30–60	70	2,3–2,5	2	Nâng cấp

**(g) Tuyến Phả Lại – A Lữ**

**Vị trí**

- (i) Tuyến chạy qua sông Thương từ ngã ba sông Lác tới cảng A Lữ trên sông Thương với chiều dài 33km
- (ii) Các cảng chính nằm dọc tuyến là cảng Phả Lại và cảng A Lữ.

**Vai trò chính**

- (i) Vận tải than và vật liệu cho các tỉnh Bắc Giang, Cao Bằng.
- (ii) Vận tải phân bón được sản xuất tại nhà máy phân bón đạm Bắc Giang.

**Mục tiêu**

- (i) Cấp III
- (ii) Chiều rộng 50m
- (iii) Chiều sâu hơn 1,5m

Hình 5C-7 Tuyến N3-2 Phả Lại - A Lữ



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N3-2	Phả Lại-A Lu	33.0	IV	III	30	50	2,0	15	Nâng cấp

(h) Tuyến Phả Lại – Đa Phúc

Vị trí

- (i) Tuyến đi theo sông Cầu bắt đầu từ ngã ba Lác tại khúc giao giữa sông Cầu và sông Thái Bình tới cảng Đa Phúc với chiều dài 87km.
- (ii) Cảng chính nằm dọc theo tuyến là cảng Đập Cầu.

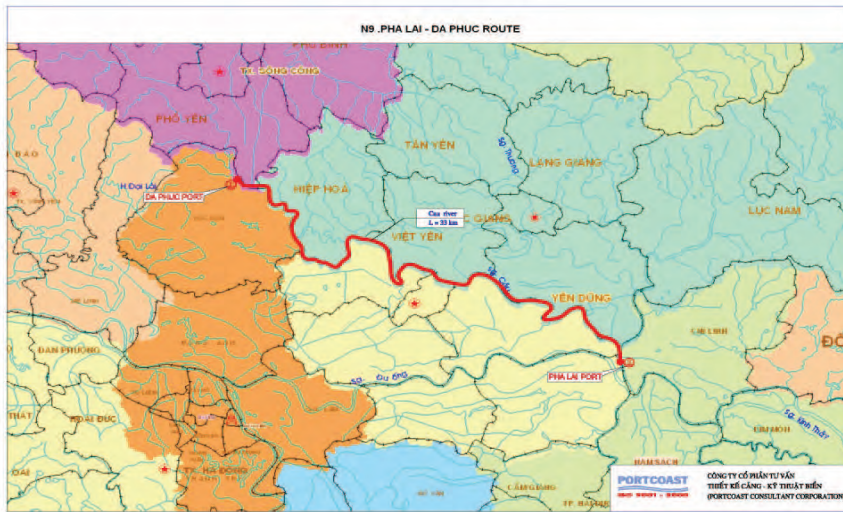
Vai trò chính

- (i) Vận tải than, xi măng, quặng và sỏi cho các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn và Sóc Sơn (Hà Nội).

Mục tiêu

- (i) Cấp III
- (ii) Chiều dài 50m
- (iii) Chiều sâu hơn 1,5m.





STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N3-3	Pha Lai–Đa Phúc	87.0	V	III	20-30	50	1,0-2,0	1,5	Nâng cấp

(i) Tuyến Việt Trì – Tuyên Quang – Na Hang

Vị trí

- (i) Tuyến bắt đầu từ cảng Việt Trì tới cảng Tuyên Quang với chiều dài 115km chạy dọc theo sông Lô.
- (ii) Các cảng chính nằm dọc theo tuyến là cảng Việt Trì và cảng Lào Cai.

Vai trò chính

- (i) Vận tải vật liệu xây dựng như cát, sỏi tại sông Lô.
- (ii) Vận tải than cho nhà máy giấy Bãi Bằng.

Mục tiêu

- (i) Việt Trì – Tuyên Quang
  - a.Cấp III
  - b.Chiều rộng 50m
  - c.Chiều sâu hơn 1,5
- (ii) Tuyên Quang – Na Hang
- (iii) Cấp V
- (iv) Chiều rộng 30m
- (v) Chiều sâu hơn 1,2

Hình 5C-9 Tuyến Việt Trì – Tuyên Quang - Na Hang



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N3-4	Viet Tri-Tuyen Quang-Na Hang	115.0	IV	III,V	30	50	1.2	1.5	Nâng cấp

(j) Tuyến ngã ba sông Hồng Đà – Hoà Bình

Vị trí

- (i) Tuyến từ ngã ba sông Hồng Đà tới cảng Hoà Bình trên sông Đà với chiều dài 58km.
- (ii) Cảng chính nằm dọc theo tuyến là cảng Hoà Bình.

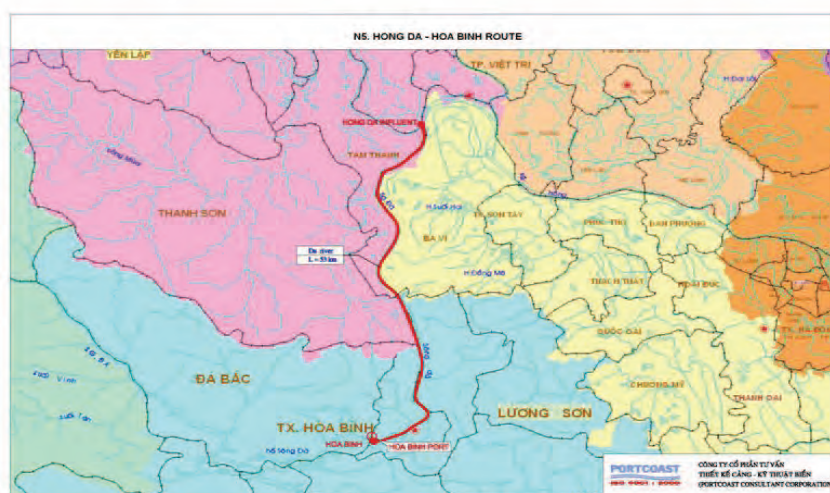
Vai trò chính

- (i) Vận tải vật liệu thô và máy xây dựng cho công trình thủy điện Sơn La.
- (ii) Vận tải hàng tiêu dùng và nông sản cho các tỉnh Hoà Bình, Sơn La và Lai Châu.

Mục tiêu

- (i) Cấp III
- (ii) Chiều dài 50m
- (iii) Chiều sâu hơn 1,5m

Hình 5C-10 Tuyến ngã ba sông Hồng Đà – Hoà Bình



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N3-5	Đoạn hạ lưu đập thủy điện sông Đà (ngã ba sông Hồng Đà – Cảng Hoà Bình)	58.0	III	III	30	Nâng cấp	2.0	1.5	Nâng cấp, mở rộng, nạo sâu...

(k) Tuyến Ninh Bình – Thanh Hoá

Vị trí

(i) Tuyến bắt đầu từ Ninh Bình đến Thanh Hoá

Mục tiêu

(ii) Cấp III

(iii) Chiều rộng 30-50m

(iv) Chiều sâu hơn 1,2m

STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch	
N3-6	Ninh Bình – Thanh Hoá			III–IV		30–50		1,2	.

(2) Khu vực phía Nam

(a) Đường thủy nội địa khu vực Tp.HCM và Khu vực Tây Bắc của ĐBSCL

(ii) Tuyến Sài Gòn – Kiên Lương/Kênh Lấp Vò

Vị trí

- Tuyến kết nối TP Hồ Chí Minh với vùng biển phía Tây tại Ba Hòn và Hà Tiên qua tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang và Kiên Giang.
- Tuyến dài 315km đi qua kênh Chợ Gạo tới sông Tiền, kênh Lấp Vò – Sa Đéc tới sông Hậu, Rạch Sỏi – Hậu Giang và Rạch Giá – Hà Tiên, kênh Ba Hòn tới cửa sông Ba Hòn.

- Các cảng sông chính nằm dọc theo tuyến này là cảng TP Hồ Chí Minh, cảng Mỹ Tho, cảng Sa Đéc và cảng Hà Tiên.

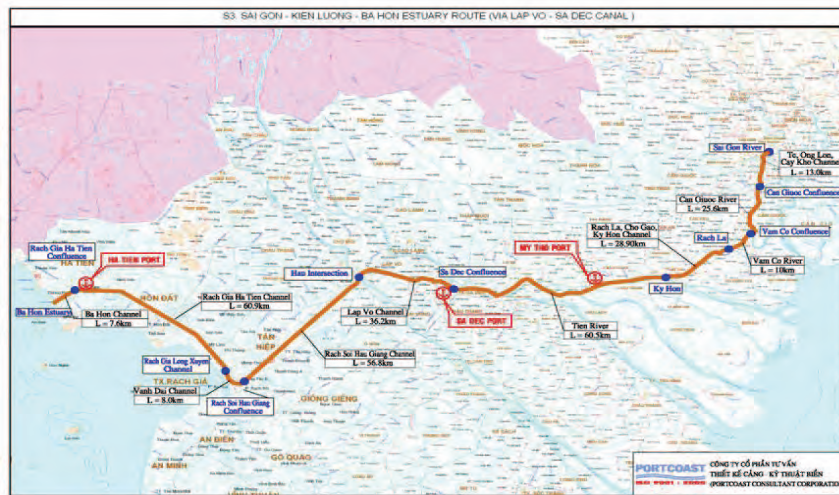
Vai trò

- Tuyến chính kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với vùng phía bắc của đồng bằng sông Cửu Long.
- Vận tải clinke từ Kiên Lương đi Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu

- Cấp III
- Chiều rộng 30–40m
- Chiều sâu hơn 2,5m

Hình 5C-11 Tuyến Sài Gòn – Kiên Lương/Kênh Lấp Vò



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S1-1	Sài Gòn – Kiên Lương (kênh Lấp Vò)	315	I và III	III	16-300	30–40	1,5–10,0	2,5	Cầu	Cải tạo: mở rộng và khơi sâu, thanh thải chướng ngại vật

**(ii) Tuyến Sài Gòn – Kiên Lương (qua đồng Tháp Mười)**

Vị trí

Điểm trung tâm từ Thành phố Hồ Chí Minh qua Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, tới duyên hải phía tây Kiên Giang, đi qua các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang. Tuyến chính dài 334km từ sông Sài Gòn qua kênh Tẻ, kênh Đồi, Chợ Đệm – sông Bến Lức tới sông Vàm Cỏ Đông; qua kênh Thủ Thừa tới sông Vàm Cỏ Tây; qua Lagrang–Kênh Đồng Tiến (Tháp Mười N1) tới sông Tiền; qua sông Vàm Nao tới sông Hậu; qua Tri Tôn – Kênh Hậu Giang, kênh Tám Ngàn tới kênh Rạch Giá Hà Tiên tại Kiên Lương.

Vai trò chính



- Tuyến chính kết nối TP Hồ Chí Minh với khu vực phía bắc đồng bằng sông Cửu Long.
- Hỗ trợ công-nông nghiệp tại các khu vực mới phát triển của Đồng Tháp Mười và Tứ Giác Long Xuyên.

Mục Tiêu

- Cấp III
- Chiều rộng 30m
- Chiều sâu hơn 2,5m

Hình 5C-12 Tuyến Sài Gòn – Kiên Lương (Khu vực Đồng Tháp Mười)



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S1-2	Sài Gòn – Kiên Lương (Kênh Tháp Mười)	334	I và III	III	20–100	30	1,9–9,0	2,5	Cầu	Cải tạo: mở rộng và khơi sâu, thanh thải luồng lạch

(b) Đường thủy giữa TP Hồ Chí Minh và miền tây nam ĐBSCL

(i) Tuyến Sài Gòn – Cà Mau (kênh Xà No)

Vị trí

- Tuyến kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với khu vực duyên hải miền tây qua các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, Cà Mau và nam Kiên Giang.
- Tuyến này dài 335,8km và gồm các đoạn như đoạn qua kênh Chợ Gạo đến sông Tiền, đoạn nối sông Tiền với sông Hậu qua Chợ Lách, kênh Măng Thít-Rạch Trà Ôn và đoạn từ sông Hậu tới khu vực duyên hải phía tây qua Cần Thơ, Xà No, sông Trẹm-kênh Canh Điền, sông Gành Hào tới Cà Mau, kênh Lương Thế Trân, kênh Bảy Hạp, thị xã Nam Căn tới cửa sông Bảy Hạp.
- Các cảng chính nằm dọc tuyến là các cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh, cảng Mỹ Tho, và cảng Cà Mau.





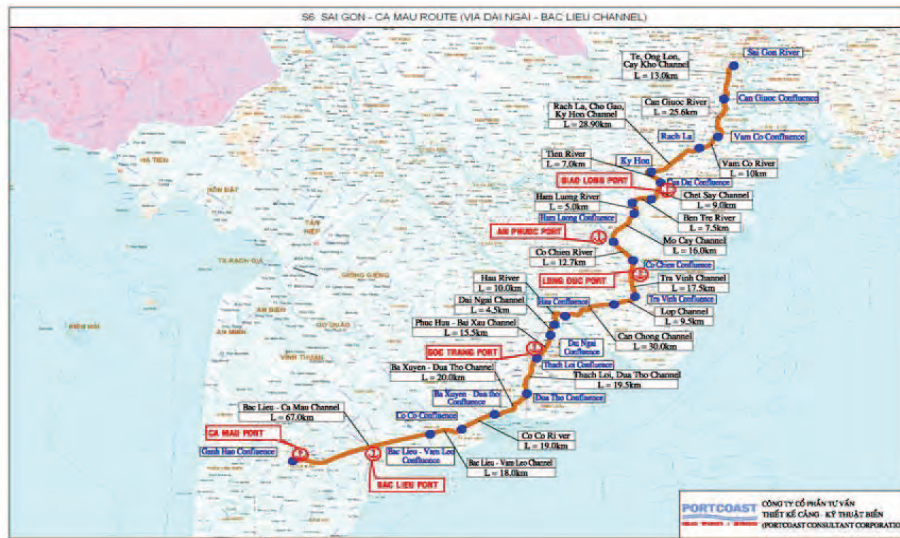
Vai trò

- Tuyến chính kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh tây nam đồng bằng sông Cửu Long.
- Hỗ trợ phát triển kinh tế tại các tỉnh bị chia tách bởi các sông lớn.

Mục tiêu

- Cấp III
- Chiều rộng 30-40 m
- Chiều sâu hơn 2,5m

Hình 5C-14 Tuyến Sài Gòn – Cà Mau (ven biển)



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S2-2	Sài Gòn – Cà Mau (ven biển)	367	I, III & IV	III	16–450	30–40	1,0–9,0	2,5	Cầu	Cải tạo: mở rộng và khơi sâu, tháo dỡ vật cản

(c) Các tuyến đường thủy giữa TP Hồ Chí Minh và các khu công nghiệp phụ cận

(i) Tuyến Sài Gòn – Mộc Hoá

Vị trí

- Tuyến kết nối Đồng Tháp Mười với các cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tuyến này dài 95,6km bắt đầu từ cảng Sài Gòn trên sông Sài Gòn tới Mộc Hoá trên sông Vàm Cỏ Tây qua sông Nhà Bè, Soài Rạp, Cần Giuộc, Vàm Cỏ và kênh Nước Mặn.

Vai trò

- Tuyến ngang kết nối khu vực Đồng Tháp Mười với các cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa và biển Đông.

Mục tiêu

- Cấp III
- Chiều rộng 50-70m
- Chiều sâu trên 1,5m

Hình 5C-15 Tuyến Sài Gòn – Mộc Hoá



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S3-1	Sài Gòn – Mộc Hoá (Sông Vàm Cỏ)	96	Chủ yếu là cấp III & một phần là cấp I	III	30–150	50–70	1.9–8.0	1.5	cầu	Cải tạo: mở rộng, thanh thải luồng lạch

(ii) Tuyến Sài Gòn – Bến Súc

Vị trí

- (i) Tuyến từ cảng Sài Gòn chạy dọc theo sông Sài Gòn đi đập Hồ Dầu Tiếng tại tỉnh Tây Ninh.
- (ii) Tuyến này nằm trên sông Sài Gòn với chiều dài là 89km.

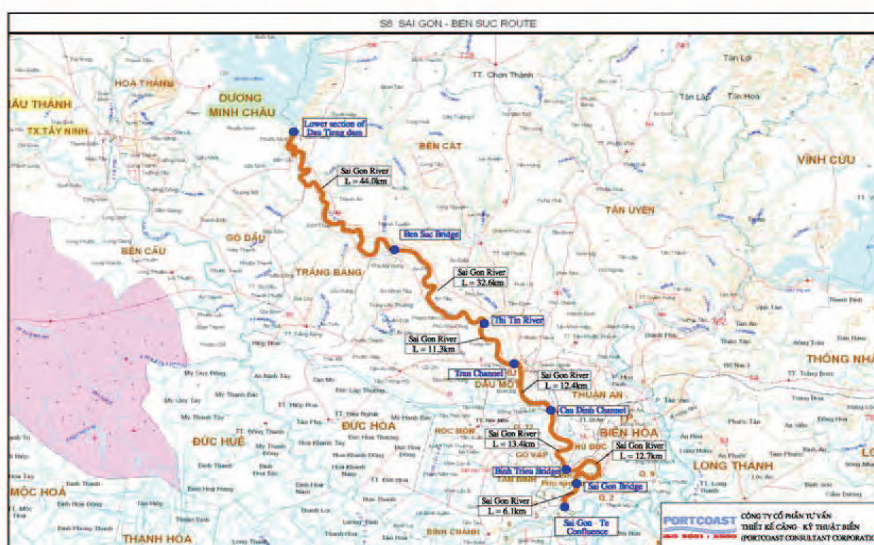
Vai trò chính

- (i) Kết nối giữa tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh
- (ii) Khu vực cảng Sài Gòn, Bến Nghé và Tân Cảng và kênh tới nhà máy xi măng Hà Tiên (đoạn từ ngã ba kênh Tẻ đến Thanh Đa).
- (iii) Vận tải cát, sỏi, và gỗ từ thượng nguồn xuống các cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương.

Mục tiêu

- (i) Cấp III
- (ii) Chiều rộng 50–70m
- (iii) Chiều sâu hơn 1,5m

Hình 5C-16 Tuyến Sài Gòn – Bến Súc



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S3-2	Sài Gòn – Bến Lức (sông Sài Gòn)	89	I và III, một phần II	III	70–200	50–70	2,5–13,2	1,5	Cầu	Cải tạo: tháo gỡ vật cản

Nguồn:

(iii) Tuyến Sài Gòn – Bến Kéo

Vị trí

Tuyến từ khu vực Bắc Đồng Tháp Mười đến TP. Hồ Chí Minh qua sông Sài Gòn, Nhà Bè, Soài Rạp, Cần Giuộc và Vàm Cỏ; từ kênh Nước Mặn đến bến Kéo trên sông Vàm Cỏ Đông dài 165,7 km

Vai trò chính

- (i) Kết nối giữa Tây Ninh và Long An, TP. Hồ Chí Minh với sông Mê Kông qua tỉnh Tây Ninh.
- (ii) Vận tải gỗ và vật liệu xây dựng xuống TP. Hồ Chí Minh.
- (iii) Vận tải các trang thiết bị phục vụ cho nông nghiệp, hàng hóa thường ngày và mía cho công ty đường Đức Hòa ở Long An.

Mục tiêu

- (i) Cấp III
- (ii) Chiều rộng 50-70m
- (iii) Chiều sâu hơn 1.5m



Hình 5C-17 Tuyến Sài Gòn – Bến Kéo



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S3-3	Sài Gòn – Bến Kéo (sông Vàm Cỏ Đông)	166	I, II và III	III	40–150	50–70	4.8–8.0	1.5	Cầu	Cải tạo: Tháo gỡ vật cản

(iv) Tuyến Sài Gòn – Hiếu Liêm

Vị trí

- (i) Tuyến từ cảng Sài Gòn trên sông Sài Gòn đi Hiếu Liêm trên sông Đồng Nai .
- (ii) Các đoạn trên tuyến này nằm trên sông Đồng Nai với chiều dài 98,8km.

Vai trò chính

Kết nối giữa cảng Sài Gòn và khu công nghiệp Đồng Nai

Mục tiêu

- (i) Cấp III
- (ii) Chiều rộng 50-70m
- (iii) Chiều sâu hơn 1.5m



Hình 5C-18 Tuyến Sài Gòn – Hiếu Liêm



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S3-4	Sài Gòn – Hiếu Liêm (sông Đồng Nai)	88	Chủ yếu cấp III và một phần cấp I	III	18–200	50–70	0.6–8.0	1.5	Cầu	Cải tạo: Đào sâu và tháo gỡ vật cản

Source:

(d) Đường thủy nối đồng bằng sông Cửu Long với các cảng cửa ngõ

(i) Đồng bằng sông Cửu Long – Thị Vải – Vũng Tàu

Vị trí

- Tuyến từ sông Thị Vải hoặc sông Gò Gia đến sông Soài Rạp.
- Tuyến bắt đầu từ sông Thị Vải với chiều dài 60,5km nối thượng nguồn sông Thị Vải với hạ nguồn sông Soài Rạp qua các kênh: Tắc Ông Trúc, Tắc Nha Phương, Tắc Ông Trung, và các sông: Đồng Tranh, Lòng Tàu, Dàn Xây, Dinh Bà, Lò Rèn và Vàm Sắt.
- Tuyến bắt đầu từ sông Gò Gia với chiều dài 61,3km qua các sông: Gò Gia, Tắt Ông Cu, Tắt Bài, Đồng Tranh, Lòng Tàu, Dàn Xây, Dinh Bà, Lò Rèn và Vàm Sắt.
- Tuyến này nối với Vũng Tàu qua biển.

Vai trò chính

- Nối đường thủy nội địa ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long với các tuyến vận tải biển..
- Vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu từ hoặc đi các cảng cửa ngõ quốc tế khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Mục tiêu

(i) Vũng Tàu – Thị Vải

a. Cấp I

b. Chiều rộng 90m

c. Sâu hơn 7m

(ii) Thị Vải – Đồng bằng sông Cửu Long

a. Cấp III

b. Chiều rộng 50-70m

c. Chiều sâu hơn 1.5m

Hình 5C-19 Đồng bằng sông Cửu Long – Thị Vải – Vũng Tàu



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S4-1	Vũng Tàu – Thị Vải – đồng bằng sông Cửu Long	75	Cấp I ở khu vực biển, cấp I, III, IV ở đường thủy	III	40–500	50–70	1.6–11.5	1.5	Cầu	Cải tạo: tháo gỡ vật cản

(e) Đường thủy nội địa đi Campuchia

(i) Tuyến Cửa Tiểu – Campuchia

Vị trí

- Tuyến đi biên giới Cam Pu Chia qua Cửa Tiểu.
- Tuyến này dài 222,6km và nằm toàn bộ trên sông Tiền qua cảng Mỹ Tho, kênh Cái Bèo và biên giới giữa Việt Nam và Cam Pu Chia.
- Cục Hàng hải Việt Nam quản lý 45km đoạn giữa Cửa Tiểu và Mỹ Tho.

Vai trò chính

- Là tuyến dành cho tàu lớn đi các cảng ở Phờ Nôm Pênh và Kông Pông Chàm ở Cam Pu Chia.
- Kết nối trực tiếp giữa đồng bằng sông Cửu Long với khu vực nước ngoài qua đường biển và Cam Pu Chia.
- Vận tải nguyên liệu xây dựng, phân bón và thực phẩm, vv...











- Là tuyến dọc nối miền Bắc và miền Nam từ Kiên Giang đi Cà Mau dọc theo Vịnh Thái Lan
- Hỗ trợ phát triển kinh tế và giảm nghèo ở khu vực vùng xa

Mục tiêu

- Cấp III
- Chiều rộng 50–70m
- Chiều sâu hơn 1.5m

Hình 5C-24 Tuyến Rạch Giá – Cà Mau



STT	Tuyến	Dài	Cấp		Rộng		Sâu		Vật cản	Dự án
			Hiện tại	Mục tiêu	Hiện tại	Quy hoạch	Hiện tại	Quy hoạch		
S6-3	Rạch Giá – Cà Mau	149	IV và V	III	20–50	50–70	2.0–6.0	1.5	Cầu	Nâng cấp

Nguồn:

(3) Miền Trung

Do điều kiện địa hình, khu vực miền Trung chưa hình thành được mạng lưới vận tải đường thủy nội địa. Việc sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường và các phương tiện chuyên chở hàng hoá giá rẻ thì các tuyến đường thủy nội địa sẽ được hình thành.

Tuyến chính và cấp mục tiêu của mỗi tuyến ở khu vực miền Trung là:

- |       |   |                                 |
|-------|---|---------------------------------|
| (i)   | Lạch Trào – Hàm Rồng (sông Mã)            | Cấp II (Rộng: 50–70, Sâu: >2)   |
| (ii)  | Lạch Sung – Cầu Lèn (sông Lèn)            | Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >2)  |
| (iii) | Cửa Hội – Bến Thủy – Đô Lương (sông Lam)  | Cấp II (Rộng: 70–90, Sâu: >2,5) |
| (iv)  | Cửa Sót – cầu Nghèn (sông Nghèn)          | Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >2)  |
| (v)   | Cửa Gianh – Quảng Trường (sông Gianh)     | Cấp II (Rộng: 70–90, Sâu: >2,5) |
| (vi)  | Cửa Nhật Lệ - cầu Long Đại (sông Nhật Lệ) | Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >2)  |

- (vii) Cửa Việt – Đập Trần (sông Thạch Hãn) Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >1,5)
- (viii) Thuận An – Ngã ba Tuần (sông Hương) Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >1,5)
- (ix) Hội An – Cửa Đại – Cù Lao Chàm (sông Thu Bồn mở rộng)
- Hội An-Cửa Đại Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >2)
- Cửa Đại- Cù Lao Chàm Cấp I (Rộng: 90, Sâu: >3)
- (x) Cửa Kỳ Hà – Hội An – ngã ba Vĩnh Điện – Cửa Hàn (các sông: Trường Giang, Thu Bồn, Vĩnh Điện, Hàn, đường ven biển)
- Cửa Kỳ Hà- Hội An Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >2)
- Hội An- Ngã ba Vĩnh Điện Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >1,5)
- Ngã ba Vĩnh Điện- Cửa Hàn Cấp III (Rộng: 50–70, Sâu: >1,5)

## 2) Các dự án cảng

### (1) Khu vực miền Bắc

#### (i) Các cảng hàng hóa

Hệ thống cảng hàng hóa khu vực miền Bắc bao gồm 41 cảng: một cảng chứa tàu 3000DWT, bảy cảng chứa tàu 1000DWT, mười ba cảng chứa tàu 600 DWT và hai mươi cảng chứa tàu 200DWT đến 300DWT.

Bảng 5C.1 Hệ thống cảng hàng hóa miền Bắc

Kích cỡ tàu (DWT)	Cảng		Tỉnh	Sông	Công suất (10 <sup>3</sup> tấn/năm)
3.000	Cảng Ninh Phúc		Ninh Bình	Sông Đáy	
1.000	Cảng Hà Nội		Hà Nội	Sông Hồng	500
	Cảng Khuyến Lương		Hà Nội	Sông Hồng	1,680
	Cảng Ninh Bình		Ninh Bình	Sông Đáy	2,500
	Cảng Hưng Yên		Hưng Yên	Sông Hồng	350
	Cảng Mỹ Sở		Hưng Yên	Sông Hồng	350
	Cảng Nam Định	(Mới)	Nam Định	Sông Nam Định	1,000
	Cảng Tân Đệ	(Mới)	Thái Bình	Sông Trà lý	200
600	Cảng Việt Trì		Phú Thọ	Sông Lô	2,500–3,000
	Cảng Phù Đổng		Hà Nội	Sông Dương	1,100
	Cảng Như Trác		Hà Nam	Sông Hồng	200
	Cảng Công Cầu		Hải Dương	Sông Thái Bình	500
	Cảng Sở Dầu		Hải Phòng	Sông Cấm	1,500
500	Cảng Thái Bình		Thái Bình	Sông Hồng	500
400	Cảng Chèm		Hà Nội	Sông Hồng	400
	Cảng Hà Nội Bắc	(Mới)	Hanoi	Sông Hồng	2,000
	Cảng Vĩnh Thịnh		Vĩnh Phúc	Sông Hồng	500
	Cảng Như Thụy		Vĩnh Phúc	Sông Hồng	500
	Cảng Triều Dương		Hung Yen	Sông Luộc	300
	Cảng Hồng Vân		Hà Tây	Sông Hồng	300
	Cảng Cầu Yên		Ninh Bình	Sông Đáy	200
200	Cảng Hòa Bình		Hòa Bình	Sông Đà	550

Kích cỡ tàu (DWT)	Cảng		Tỉnh	Sông	Công suất (10 <sup>3</sup> tấn/năm)
300	Cảng Đa Phúc		Thái Nguyên	Sông Cầu	700
300	Cảng Sơn Tây		Hà Tây	Sông Hồng	400
200	Cảng Chu Phan		Vĩnh Phúc	Sông Hồng	800
	Cảng Đức Bác		Vĩnh Phúc	Sông Lô	500
	Cảng Đáp Cầu		Bắc Ninh	Sông Cầu	500
	Cảng Á Lữ		Bắc Giang	Sông Thương	600
	Cảng Đức Long		Bắc Ninh	Sông Dương	300
	Cảng Bến Hồ		Bắc Ninh		300
	Cảng Kênh Vàng		Bắc Ninh		300
	Cảng Lục Cầu		Lào Cai	Sông Hồng	120
	Cảng Văn Phú		Yên Bái	Sông Hồng	200
	Cảng Ngọc Tháp		Phú Thọ	Sông Lô	150
	Cảng An Đạo		Phú Thọ	Sông Hồng	800
	Cảng Tuyên Quang		Tuyên Quang	Sông Lô	300
	Cảng Tạ Bú		Sơn La	Sông Đà	200
	Cảng Tạ Học		Sơn La	Sông Đà	200
	Cảng Vạn Yên		Sơn La	Sông Đà	150
Cảng Ba Cấp		Hòa Bình	Hồ Hòa Bình	250	
Cảng Bến Ngọc		Hòa Bình	Hồ Hòa Bình	300	

Nguồn:

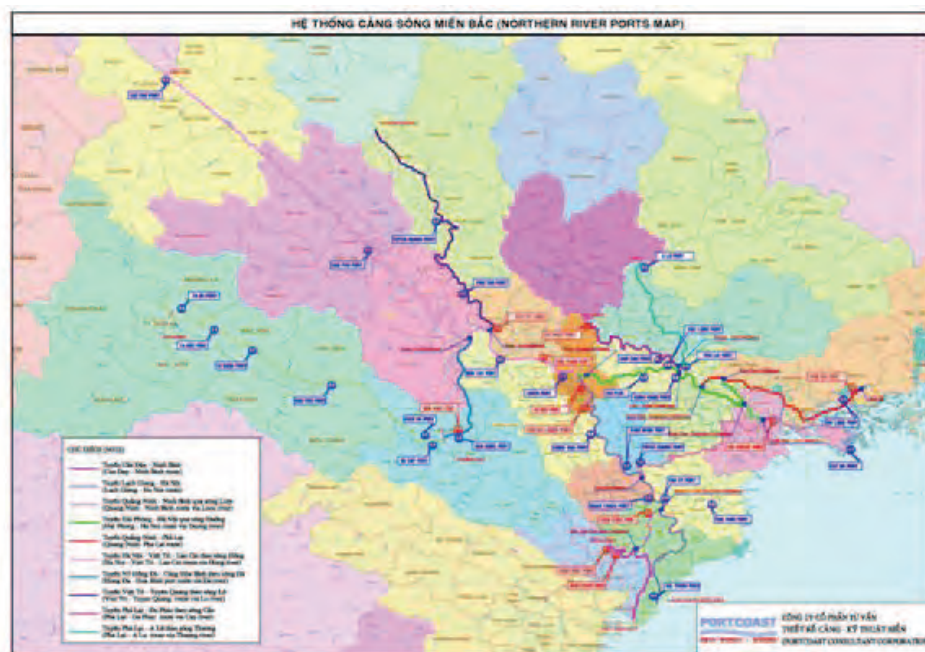
(ii) Các cảng hành khách

Hệ thống cảng hành khách khu vực miền Bắc bao gồm sáu cảng: bốn cảng có thể tiếp nhận tàu 150 – 200 ghế và hai cảng tiếp nhận tàu 100 ghế.

Bảng 5C.2 Hệ thống cảng hành khách miền Bắc

Kích cỡ tàu (chỗ ngồi)	Cảng		Tỉnh	Công suất
150 200	Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	Sông Cầu	500.000
	Cảng Thái Bình	Thái Bình	Sông Trà Lý	100.000
	Cảng Cát Bà	Quảng Ninh	Đảo Cát Bà	200.000
	Cảng Hạ Long	Quảng Ninh	Vịnh Hạ Long	400.000
100	Cảng Hà Nội	Hà Nội	Sông Hồng	322.000
	Cảng Hưng Yên	Hưng Yên	Sông Hồng	100.000

Hình 5C-25 Vị trí các cảng khu vực miền Bắc



Nguồn:

### 3) Miền Nam

#### (i) Cảng hàng hóa

Hệ thống cảng hàng hóa khu vực miền Bắc bao gồm 26 cảng: bốn cảng chứa tàu 5,000DWT hai cảng chứa tàu 3,000DWT, ba cảng chứa tàu 2,000DWT, chín cảng chứa tàu 1,000DWT, tám cảng chứa tàu 300-500DWT

Bảng 5C.3 Hệ thống cảng hàng hóa miền Nam

Kích cỡ tàu (DWT)	Cảng		Tỉnh	Sông	Công suất (10 <sup>3</sup> tấn/năm)
5,000	Cảng TRACOMECO		Đồng Nai	*****	1.000
	Cảng Nhơn Trạch		Đồng Nai	Sông Nhà Bè	1.000
	Cảng Tín Nghĩa		Đồng Nai		2.000
	Cảng Hà Đức		Đồng Nai		1.500
	Cảng Bình Dương		Bình Dương		2.000
3.000	Cảng Nhơn Đức		Tp.Hồ Chí Minh	Sông Nhà Bè	500
	Cảng Phú Định		Tp.Hồ Chí Minh	Sông Đồng Nai	500
	Cảng Bà Rịa		Bà Rịa – Vũng Tàu	Sông Dinh	500
2.000	Cảng Tân Châu	(Mới)	An Giang	Sông Tiền	500
	Cảng Bà Lụa		Bình Dương	Sông Sài Gòn	500
	Cảng Bến Súc		Bình Dương	*****	2.000
	Cảng Long Đức		Trà Vinh	Kênh	400
	Cảng Giao Long		Bến Tre	Cửa sông Tiền	300
	Cảng An Phước		Vĩnh Long	Sông Cổ Chiên	300
1.000	Cảng Bình Long		An Giang	Sông Hậu	3.000
	Cảng Tắc Cậu		Kiên Giang	Sông Vàm Công	400
	Cảng Hộ Phòng	(Mới)	Bạc Liêu	Xáng Cà Mau- sông Bạc Liêu	500

Kích cỡ tàu (DWT)	Cảng		Tỉnh	Sông	Công suất (10 <sup>3</sup> tấn/năm)
	Cảng Ông Đốc	(Mới)	Cà Mau	Cửa sông Ông Đốc	400
	Cảng Bến Kèo		Tây Ninh	Vàm Cỏ Đông	300
	Cảng Tân An	(Mới)	Long An	Vàm Cỏ Tây	500
	Cảng Vị Thanh	(Mới)	Hậu Giang	Xáng Xà Nô	500
300–500	Cảng Bạc Liêu	(Mới)	Bạc Liêu	Xáng Cà Mau- sông Bạc Liêu	200
	Cảng Long Hưng		Sóc Trăng	Sông Phụng Hiệp	300
	Cảng Ngã Năm		Sóc Trăng	Sông Phụng Hiệp	300
	Cảng Cái Côn		Sóc Trăng	Sông Rạch Cái Côn	300

(ii) Cảng hành khách

Hệ thống cảng hành khách bao gồm mười lăm cảng chứa tàu 100 chỗ.

Bảng 5C.4 Hệ thống cảng hành khách miền Nam

Kích cỡ tàu (chỗ ngồi)	Cảng		Tỉnh	Sông	Công suất (10 <sup>3</sup> tấn/năm)
250	Cảng Cầu Đá		Bria-Vtau	Ganh Rai Bay	800
100	Cảng Tân An		Long An	Vàm Cỏ Tây	800
	Cảng Mỹ Tho		Tiền Giang	****	1.500
	Cảng Cao Lãnh		Đồng Tháp	****	1.000
	Cảng Trà Vinh		Trà Vinh	Sông Cổ Chiên	800
	Cảng Vĩnh Long		Vĩnh Long	Sông Tiền	1.000
	Cảng Bến Tre		Bến Tre	Sông Bến Tre	2.000
	Cảng Long Xuyên		An Giang	Sông Hậu	800
	Cảng Châu Đốc		An Giang	Sông Hậu	800
	Cảng Rạch Giá		Kiên Giang	Sông Rạch Giá Long Xuyên	800
	Cảng Hà Tiên		Kiên Giang	Cửa Hà Tiên	500
	Cảng Sóc Trăng		Sóc Trăng	****	1.500
	Cảng Bạc Liêu		Bạc Liêu	Sông Xáng. Cà Mau. Bạc Liêu	3.000
	Cảng Cà Mau		Cà Mau	Sông Xáng. Cà Mau. Bạc Liêu	4.000
	Cảng Năm Căn		Cà Mau	Sông Cửa Lớn	1.500
Cảng Ông Đốc		Cà Mau	Sông Ông Đốc	1.500	



Hình 5C.26 Vị trí các cảng khu vực miền Nam



Nguồn:

#### 4) Miền Trung

Hệ thống cảng hàng hóa miền Trung bao gồm sáu cảng, trong đó có 4 cảng chứa tàu 1000DWT, hai cảng chứa tàu 300-400DWT.

Bảng 5C.5 Hệ thống cảng hàng hóa miền Trung

Kích cỡ tàu (DWT)	Cảng		Tỉnh	Sông	Công suất (10 <sup>3</sup> tấn/năm)
1.000	Cảng Hộ Độ	(Mới)	Hà Tĩnh	Sông Hạ Vàng	1.000
	Cảng Hội An		Quảng Nam	Cửa Vũ Gia	1.000
	Cảng Đò Lên		Thanh Hóa	Sông Mã	1.000
	Cảng Quán Phúc		Quảng Bình	Cửa Ranh	600
300 400	Cảng Quang Thuận		Quảng Bình	Cửa Ròn	500
	Cảng Đông Hà		Quảng Trị	Sông Thạch Hãn	200

Nguồn:

##### (1) Bến tàu

Có rất nhiều bến tàu được người dân sử dụng rộng rãi cho cuộc sống hàng ngày và buôn bán địa phương được đặt tại khu vực đồng bằng. Những bến tàu này cần được duy trì và bảo dưỡng với điều kiện tốt, được quản lý và vận hành theo quy định.

##### (2) An toàn

Các tàu thuyền đều có thể qua lại theo luồng đường thủy một cách an toàn theo quy định của công trình phân luồng tàu. Cảng và bến tàu cung cấp nhiều trang thiết bị hiện đại cho người sử dụng có thể dùng 1 cách an toàn và dễ dàng.

(3) Đường thủy

- (i) Bảo đảm các luồng tuyến đạt tiêu chuẩn thông qua từng tuyến riêng biệt.
- (ii) Thanh thảo chướng ngại vật trên tuyến.
- (iii) Các biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải tại các vùng nước sâu.
- (iv) Lắp đặt các trang thiết bị phân luồng tàu cần thiết.

(4) Cảng

- (i) Xây dựng các công trình cảng đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn kết cấu và duy trì.
- (ii) Cải tạo các công trình cảng đảm bảo an toàn cho hành khách.
- (iii) Cải tạo bến tàu đảo bảo an toàn.
- (iv) Tàu thủy.
- (v) Điều hành tàu thuyền đảm bảo đạt tiêu chuẩn.
- (vi) Nâng cao năng lực cảng

(5) Các tổ chức

- (i) Tìm kiếm và cứu hộ.
- (ii) Nâng cao năng lực một số nhân viên quản lý.

(6) Kinh doanh đường thủy nội địa

Dịch vụ vận tải chi phí thấp của các doanh nghiệp tư nhân như: đóng tàu, vận hành tàu, vận hành cảng, và kinh doanh dịch vụ du lịch.